
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU
ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kiểm toán | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7 – 42 |
| <i>Bảng cân đối kế toán</i> | <i>7 – 9</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> | <i>10</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i> | <i>11 – 12</i> |
| <i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính</i> | <i>13 – 36</i> |
| <i>Phụ lục 01: Chi tiết vật tư, hàng hoá giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i> | <i>37 – 42</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 882/998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ giao thông vận tải, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh 103444 cấp ngày 20 tháng 7 năm 1998. Theo quyết định số 1201/QĐ-ĐS ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Thông tin Tín hiệu đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524 ngày 08 tháng 12 năm 2010. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301097524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba: 30.741.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0838 468 701
Fax : 0838 466 484
Email :
Mã số thuế : 0301097524

Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|----------------|---------------------------------|
| Ông Uông Nhật Phương | Chủ tịch | |
| Ông Phạm Văn Dũng | Ủy viên | |
| Ông Đậu Trường Thành | Ủy viên | Bổ nhiệm kể từ ngày 19/4/2023 |
| Ông Lê Đức Dũng | Ủy viên | Miễn nhiệm kể từ ngày 19/4/2023 |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Ông Phạm Văn Dũng | Giám đốc |
| Ông Dương Ngọc Thắng | Phó Giám đốc |
| Ông Đàm Ngọc Mẫn | Phó Giám đốc |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Bà Trần Thị Ánh Hoa | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Lý Bá | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | Thành viên |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Dũng



Kết nối - Phát triển

Số

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

: 1512.01/2023 /BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2024 từ trang 08 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[T] (84-24) 3761 3399
[W] www/vpaudit.vn

[F] (84-24) 3761 5599
[E] vpa@ntv.vn

5

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 12 Phố Mê Trì Hạ, P. Mê Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 138.404.485.743 | 117.084.756.719 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 7.761.632.004 | 7.726.421.544 |
| 1. | Tiền | 111 | | 1.761.632.004 | 726.421.544 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| II. | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 107.278.869.192 | 89.438.950.229 |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 110.288.269.755 | 91.256.011.538 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 27.500.000 | 43.200.000 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.3 | 769.890.949 | 991.541.354 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.4 | (3.806.791.512) | (2.851.802.663) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | V.5 | 22.710.893.236 | 19.422.438.595 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 22.710.893.236 | 19.422.438.595 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 653.091.311 | 496.946.351 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 653.091.311 | 496.946.351 |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| | | | | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|--|
| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 15.174.872.005 | 15.667.681.631 | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 20.000.000 | 20.000.000 | |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.3 | 20.000.000 | 20.000.000 | |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 9.383.887.638 | 10.399.150.695 | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 9.358.775.138 | 10.370.363.195 | |
| - Nguyên giá | 222 | | 32.382.809.110 | 32.382.809.110 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (23.024.033.972) | (22.012.445.915) | |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - | |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 25.112.500 | 28.787.500 | |
| - Nguyên giá | 228 | | 73.500.000 | 73.500.000 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (48.387.500) | (44.712.500) | |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - | |
| 1. Nguyên giá | 231 | | - | - | |
| 2. Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | - | - | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - | |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.770.984.367 | 5.248.530.936 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6 | 5.770.984.367 | 5.248.530.936 | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 153.579.357.748 | 132.752.438.350 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| | | | | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|--|
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 111.796.744.593 | 91.907.691.003 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 111.796.744.593 | 91.907.691.003 | |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 59.987.412.853 | 39.766.750.293 | |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 9.972.071.564 | 7.134.892.321 | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 4.612.002.507 | 4.986.346.964 | |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 10.742.148.353 | 13.164.904.586 | |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 76.801.248 | 953.101.396 | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 7.337.030.608 | 5.279.685.785 | |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.9 | 17.675.774.343 | 19.392.936.080 | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.393.503.117 | 1.229.073.578 | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - | |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 41.782.613.155 | 40.844.747.347 | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 41.782.613.155 | 40.844.747.347 | |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 30.741.000.000 | 30.741.000.000 | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 30.741.000.000 | 30.741.000.000 | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.388.601.690 | 3.767.601.690 | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 6.653.011.465 | 6.336.145.657 | |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - | |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 6.653.011.465 | 6.336.145.657 | |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 153.579.357.748 | 132.752.438.350 | |

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Phụ trách kế toán



Ngô Thị Loan

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số liệu | |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 241.309.423.301 | 291.990.340.458 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 241.309.423.301 | 291.990.340.458 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 199.478.573.287 | 254.896.233.290 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 41.830.850.014 | 37.094.107.168 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 478.519.922 | 347.568.790 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 243.199.358 | 389.278.931 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 243.199.358 | 389.278.931 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 32.451.617.355 | 26.088.254.610 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 9.614.553.223 | 10.964.142.417 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | - | 154.636.364 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 925.141.113 | 2.771.089.414 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (925.141.113) | (2.616.453.050) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 8.689.412.110 | 8.347.689.367 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.8 | 2.036.400.645 | 2.011.543.710 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 6.653.011.465 | 6.336.145.657 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 1.484 | 1.331 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 1.484 | 1.331 |

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Phụ trách kế toán



Ngô Thị Loan

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2024



Giám đốc


Phạm Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|----------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 242.416.896.286 | 223.322.723.898 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (123.364.692.177) | (134.889.130.701) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (91.082.278.129) | (87.245.662.513) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (243.199.358) | (389.278.931) |
| 5. Thuế TNDN đã nộp | 05 | | (2.611.346.630) | (1.767.481.126) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 106.054.306 | 285.315.213 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (20.719.777.023) | (13.808.992.103) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 4.501.657.275 | (14.492.506.263) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | - | (902.694.090) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | - | 154.636.364 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 478.519.922 | 347.568.790 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | | 478.519.922 | (400.488.936) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VNĐ | |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 36.954.625.604 | 41.180.876.663 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (38.671.787.341) | (38.419.991.818) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (3.227.805.000) | (3.381.510.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (4.944.966.737) | (620.625.155) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 35.210.460 | (15.513.620.354) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 7.726.421.544 | 23.240.041.898 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 7.761.632.004 | 7.726.421.544 |

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc


Phạm Văn Dũng

Ngô Thị Loan

Ngô Thị Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** :
Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
 - Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
 - Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng.
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không có.
6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm 2022.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Doanh nghiệp có 389 nhân viên đang làm việc (số nhân viên làm việc ngày 1/1/2023 là 381 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

2. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------------|---------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 – 35 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 10 năm |

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| - Phần mềm máy tính | 20 năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất dài hạn

Tiền thuê đất dài hạn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 122.706.078 | 37.772.157 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.638.925.926 | 688.649.387 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 6.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Cộng | <u>7.761.632.004</u> | <u>7.726.421.544</u> |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất là 2,7%/năm được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <u>91.645.489.444</u> | <u>69.847.302.537</u> |
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | 91.598.684.060 | 66.106.228.914 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn | - | 911.980.319 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải | 46.805.384 | 1.546.805.384 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh | - | 1.282.287.920 |
| <i>Phải thu khách hàng khác</i> | <u>18.642.780.311</u> | <u>21.408.709.001</u> |
| Ban QLDA các công trình điện Miền Nam-Chi nhánh TCT Truyền tải điện Quốc Gia | 1.251.235.126 | - |
| Ban Quản lý Dự án Đường sắt | 8.615.258.450 | 13.648.666.174 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại Công nghiệp Việt A | 1.178.895.974 | - |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 7.597.390.761 | 7.760.042.827 |
| Cộng | <u>110.288.269.755</u> | <u>91.256.011.538</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

3. Phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 769.890.949 | - | 991.541.354 | - |
| Tạm ứng | 299.629.979 | - | 493.629.979 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 40.450.082 | - | 40.450.082 | - |
| Phải thu khác | 429.810.888 | - | 457.461.293 | - |
| + Thu tiền Thuế TNCN của người lao động | 394.963.489 | - | - | - |
| + Xi nghiệp Thông tin Tín hiệu Thuận Hải | - | - | 292.952.529 | - |
| + Xi nghiệp Thông tin Tín hiệu Phú Khánh | - | - | 134.182.707 | - |
| + Các khoản phải thu khác | 34.847.399 | - | 30.326.057 | - |
| Cộng | 769.890.949 | - | 991.541.354 | - |

b) Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 20.000.000 | - | 20.000.000 | - |
| Cộng | 20.000.000 | - | 20.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

4. Nợ quá hạn chưa thanh toán

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|-------------------|----------------------|------------------------|-------------------|----------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng |
| Ban Quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố Tuy Hòa | trên 3 năm | 12.100.855 | (12.100.855) | trên 3 năm | 12.100.855 | (12.100.855) |
| Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng ADC | trên 3 năm | 627.100.855 | (627.100.855) | trên 3 năm | 627.100.855 | (627.100.855) |
| Xí nghiệp 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 | trên 3 năm | 116.755.036 | (116.755.036) | trên 3 năm | 116.755.036 | (116.755.036) |
| Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên | trên 3 năm | 655.152.060 | (655.152.060) | trên 3 năm | 655.152.060 | (655.152.060) |
| Ban quản lý dự án Thủy điện 6 | trên 3 năm | 16.119.650 | (16.119.650) | trên 3 năm | 16.119.650 | (16.119.650) |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 | trên 3 năm | 43.222.000 | (43.222.000) | trên 3 năm | 43.222.000 | (43.222.000) |
| Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1 | trên 3 năm | 117.024.166 | (117.024.166) | trên 3 năm | 117.024.166 | (117.024.166) |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4 | trên 3 năm | 92.596.139 | (92.596.139) | trên 3 năm | 92.596.139 | (92.596.139) |
| Ban QLDA các công trình điện Miền Nam - CNTCT truyền tải điện Quốc Gia | trên 3 năm | 162.379.853 | (162.379.853) | trên 3 năm | 162.379.853 | (162.379.853) |
| Tổng thầu gói EPC- Dự án hiện đại hóa TTTT Vinh - SG (Cục 6 ĐSTQ) | trên 3 năm | 11.489.524 | (11.489.524) | trên 3 năm | 11.489.524 | (11.489.524) |
| Trung tâm Phát triển quỹ đất Huyện Tuy An | trên 3 năm | 6.640.000 | (6.640.000) | trên 3 năm | 6.640.000 | (6.640.000) |
| Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung | trên 3 năm | 4.091.350 | (4.091.350) | trên 3 năm | 4.091.350 | (4.091.350) |
| Công ty Cổ phần Sông Đà - XN Sông Đà 10.2 | trên 3 năm | 505.682.390 | (505.682.390) | trên 3 năm | 505.682.390 | (505.682.390) |
| Chi nhánh Sông Đà 11.5 - Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long | trên 3 năm | 72.857.040 | (72.857.040) | trên 3 năm | 72.857.040 | (72.857.040) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch | trên 3 năm | 20.000.000 | (20.000.000) | trên 3 năm | 20.000.000 | (20.000.000) |
| Công ty Cổ phần Đồng Thuận | trên 3 năm | 56.435.045 | (56.435.045) | trên 3 năm | 56.435.045 | (56.435.045) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Nam Tiến | trên 3 năm | 520.654.000 | (520.654.000) | | - | - |
| Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát | trên 3 năm | 766.491.549 | (766.491.549) | | - | - |
| Công ty Cổ phần Đường Sắt Phú Khánh | | - | - | trên 3 năm | 1.282.287.920 | (332.156.700) |
| Cộng | | 3.806.791.512 | (3.806.791.512) | | 3.801.933.883 | (2.851.802.663) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

5. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.171.194.682 | - | 3.635.491.440 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 19.539.698.554 | - | 15.786.947.155 | - |
| Cộng | 22.710.893.236 | - | 19.422.438.595 | - |

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại Ngân hàng thương mại tại thời điểm cuối năm là 22.710.893.236 đồng.

6. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền thuê đất dài hạn | 3.330.314.747 | 3.429.234.987 |
| Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ | 335.625.000 | 783.125.000 |
| Chi phí khác | 2.105.044.620 | 1.036.170.949 |
| Cộng | 5.770.984.367 | 5.248.530.936 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 17.768.663.589 | 5.146.842.324 | 9.312.719.288 | 154.583.909 | 32.382.809.110 |
| Mua trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 17.768.663.589 | 5.146.842.324 | 9.312.719.288 | 154.583.909 | 32.382.809.110 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | <i>417.115.636</i> | <i>3.615.184.560</i> | <i>6.710.266.290</i> | <i>39.918.000</i> | <i>10.782.484.486</i> |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 9.955.835.107 | 4.621.734.729 | 7.390.526.261 | 44.349.818 | 22.012.445.915 |
| Khấu hao trong năm | 579.159.496 | 135.165.776 | 285.796.194 | 11.466.591 | 1.011.588.057 |
| Phân loại lại | - | (98.438.677) | - | 98.438.677 | - |
| Số cuối năm | 10.534.994.603 | 4.658.461.828 | 7.676.322.455 | 154.255.086 | 23.024.033.972 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 7.812.828.482 | 525.107.595 | 1.922.193.027 | 110.234.091 | 10.370.363.195 |
| Số cuối năm | 7.233.668.986 | 488.380.496 | 1.636.396.833 | 328.823 | 9.358.775.138 |

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại là 1.418.480.454 đồng và 834.054.350 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 73.500.000 | 73.500.000 |
| Mua trong năm | - | - |
| Giảm khác | - | - |
| Số cuối năm | 73.500.000 | 73.500.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | - |
| Giá trị hao mòn | | |
| Số đầu năm | 44.712.500 | 44.712.500 |
| Khấu hao trong năm | 3.675.000 | 3.675.000 |
| Số cuối năm | 48.387.500 | 48.387.500 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 28.787.500 | 28.787.500 |
| Số cuối năm | 25.112.500 | 25.112.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

9. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngân hàng | 17.675.774.343 | 17.675.774.343 | 19.392.936.080 | 19.392.936.080 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/14780342/HĐTD ngày 19 tháng 04 năm 2022 | - | - | 19.392.936.080 | 19.392.936.080 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/14780342/HĐTD ngày 19/04/2023 (1) | 893.745.657 | 893.745.657 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/14780342/HĐTD ngày 27/11/2023 (2) | 16.782.028.686 | 16.782.028.686 | - | - |
| Cộng | 17.675.774.343 | 17.675.774.343 | 19.392.936.080 | 19.392.936.080 |

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiểu (“BIDV – Bà Chiểu”) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/14780342/HĐTD ngày 19/04/2023, hạn mức tối đa 50.000.000.000 VNĐ bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư nợ bảo lãnh, mở L/C, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba; xe ô tô tải 1.49 tấn Hiệu KIA THACO FRONTIER-BKS:51D-624.72 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/14780342/HĐBĐ ngày 24/03/2021; xe ô tô con hiệu VINFAST LUX A2.0 Plus S5B1ALRVN-BKS:51H-339.71 theo Hợp đồng thế chấp số 03/2021/14780342/HĐBĐ và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại BIDV- Bà Chiểu.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/14780342/HĐTD ngày 27/11/2023, hạn mức tối đa 70.000.000.000 VNĐ bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư nợ bảo lãnh, mở L/C, mục đích bổ sung vốn lưu động (cho vay, bảo lãnh, mở L/C). Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho, quyền tài sản phát sinh từ các Hợp đồng thi công xây lắp của Công ty hình thành từ vốn vay tại BIDV- Bà Chiểu, bao gồm nhưng không giới hạn hàng tồn kho luân chuyển là các nguyên liệu, vật liệu,.. trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; khoản phải thu của Công ty hình thành từ vốn vay tại BIDV- Chi nhánh Bà Chiểu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau :

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/14780342/HĐTD ngày 19 tháng 04 năm 2022 | 19.392.936.080 | - | - | 19.392.936.080 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín | - | 1.016.073.699 | - | 1.016.073.699 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/14780342/HĐTD ngày 27/11/2023 (1) | - | 19.156.523.219 | - | 18.262.777.562 | 893.745.657 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/14780342/HĐTD ngày 27/11/2023 (2) | - | 16.782.028.686 | - | - | 16.782.028.686 |
| Cộng | 19.392.936.080 | 36.954.625.604 | - | 38.671.787.341 | 17.675.774.343 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả các bên liên quan | 10.184.654.899 | 10.184.654.899 | 3.315.565.281 | 3.315.565.281 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn | 2.617.647.306 | 2.617.647.306 | 825.633.979 | 825.633.979 |
| Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng | - | - | 1.232.104.000 | 1.232.104.000 |
| Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Thuận Hải | 3.777.225.630 | 3.777.225.630 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh | 3.789.781.963 | 3.789.781.963 | 1.257.827.302 | 1.257.827.302 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 49.802.757.954 | 49.802.757.954 | 36.451.185.012 | 36.451.185.012 |
| Công ty Cổ phần Persi Việt Nam | 1.588.327.400 | 1.588.327.400 | 418.231.000 | 418.231.000 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Hoàng Cung | 4.631.638.113 | 4.631.638.113 | 8.302.844.118 | 8.302.844.118 |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Tín Hiệu | 10.627.564.837 | 10.627.564.837 | 4.154.440.580 | 4.154.440.580 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Trường An | 3.329.884.800 | 3.329.884.800 | 3.875.336.486 | 3.875.336.486 |
| Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Phú Thịnh | - | - | 5.904.520.993 | 5.904.520.993 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH Xây dựng Ngọc Hiệp 1 | 4.431.436.028 | 4.431.436.028 | 3.061.353.946 | 3.061.353.946 |
| Công ty TNHH SXKD Hoàng Anh | 5.509.738.435 | 5.509.738.435 | 3.177.777.165 | 3.177.777.165 |
| Công ty TNHH Triệu Đạt | 3.465.475.521 | 3.465.475.521 | - | - |
| Công ty TNHH cơ khí xây dựng và dịch vụ Quang Danh | 5.823.267.538 | 5.823.267.538 | - | - |
| Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | 10.395.425.282 | 10.395.425.282 | 7.556.680.724 | 7.556.680.724 |
| Cộng | 59.987.412.853 | 59.987.412.853 | 39.766.750.293 | 39.766.750.293 |

Đơn vị tính: VNĐ

11. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | 9.972.071.564 | 7.134.892.321 |
| Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa | 1.376.433.731 | 1.376.433.731 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3 | 4.647.932.000 | 4.352.827.063 |
| Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi | 597.627.527 | 597.627.527 |
| Trung tâm Phát triển quỹ đất Huyện Cam Lâm | - | 573.901.000 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt | 817.506.368 | 234.103.000 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác | 2.532.571.938 | |
| Cộng | 9.972.071.564 | 7.134.892.321 |

* H'n

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | | Số cuối năm | |
|-------------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Hoàn thuế kiêm bù trừ ngân sách | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.579.926.900 | - | 7.953.335.159 | 7.664.697.526 | - | 3.868.564.533 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.318.383.959 | - | 2.036.400.645 | 2.611.346.630 | - | 743.437.974 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 88.036.105 | - | (48.928.850) | 39.107.255 | - | - | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 1.722.849.999 | 1.879.144.719 | - | - | 156.294.720 |
| Phí, lệ phí và các khoản khác | - | 496.946.351 | 173.211.306 | 173.061.546 | - | - | 496.796.591 |
| Cộng | 4.986.346.964 | 496.946.351 | 11.836.868.259 | 12.367.357.676 | - | 4.612.002.507 | 653.091.311 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Từ ngày 1/7/2023, Công ty áp dụng giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8 % theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023.

Thuế thu nhập cá nhân

Số phải nộp trong năm bao gồm thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm 2023 và các khoản điều chỉnh theo tờ khai quyết toán thuế TNCN năm 2018, 2019 và 2020.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Áp dụng thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| - Chi phí vật tư | - | 873.264.128 |
| - Các khoản trích trước khác | 76.801.248 | 79.837.268 |
| Cộng | <u>76.801.248</u> | <u>953.101.396</u> |

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>7.337.030.608</i> | <i>5.279.685.785</i> |
| Kinh phí công đoàn | 399.260.047 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 375.038 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 405.050.160 | 443.574.524 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 6.532.345.363 | 4.836.111.261 |
| + <i>Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Sài Gòn</i> | <i>3.656.320.877</i> | <i>4.700.069.733</i> |
| + <i>Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Thuận Hải</i> | <i>1.174.852.725</i> | - |
| + <i>Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Phú Khánh</i> | <i>1.665.024.267</i> | - |
| + <i>Các đối tượng khác</i> | <i>36.147.494</i> | <i>136.041.528</i> |
| Cộng | <u>7.337.030.608</u> | <u>5.279.685.785</u> |

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|---|------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 30.741.000.000 | 3.195.479.190 | 6.280.963.338 | 40.217.442.528 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm trước | - | - | 6.336.145.657 | 6.336.145.657 |
| Phân phối lợi nhuận | - | 572.122.500 | (6.280.963.338) | (5.708.840.838) |
| Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | <u>30.741.000.000</u> | <u>3.767.601.690</u> | <u>6.336.145.657</u> | <u>40.844.747.347</u> |
| Số dư đầu năm nay | 30.741.000.000 | 3.767.601.690 | 6.336.145.657 | 40.844.747.347 |
| Tăng vốn trong năm | - | - | - | - |
| Lãi/(lỗ) trong năm | - | - | 6.653.011.465 | 6.653.011.465 |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | 621.000.000 | (6.336.145.657) | (5.715.145.657) |
| Số dư cuối năm | <u>30.741.000.000</u> | <u>4.388.601.690</u> | <u>6.653.011.465</u> | <u>41.782.613.155</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 280/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022 như sau

| | Số tiền |
|--|----------------------|
| Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 621.000.000 |
| Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | 2.245.090.657 |
| Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành | 242.250.000 |
| Trích cổ tức chi trả | 3.227.805.000 |
| Tổng | 6.336.145.657 |

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| | Số cuối năm | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|---------------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | 23.292.000.000 | 75,77 | 23.292.000.000 | 75,77 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 7.449.000.000 | 24,23 | 7.449.000.000 | 24,23 |
| Cộng | 30.741.000.000 | 100,00 | 30.741.000.000 | 100,00 |

c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|-------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.074.100 | 3.074.100 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.074.100 | 3.074.100 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>3.074.100</i> | <i>3.074.100</i> |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.074.100 | 3.074.100 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>3.074.100</i> | <i>3.074.100</i> |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản nhận giữ hộ**

Công ty nhận giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam vật tư thu hồi (Chi tiết xem tại Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu quản lý, bảo trì thường xuyên | 129.638.457.659 | 110.984.318.851 |
| Doanh thu hoạt động khác | 111.670.965.642 | 181.006.021.607 |
| Cộng | <u>241.309.423.301</u> | <u>291.990.340.458</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ công ích | 92.831.004.463 | 79.620.587.509 |
| Giá vốn của hoạt động khác | 106.647.568.824 | 175.275.645.781 |
| Cộng | <u>199.478.573.287</u> | <u>254.896.233.290</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 478.519.922 | 347.568.790 |
| Cộng | <u>478.519.922</u> | <u>347.568.790</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền vay | 243.199.358 | 389.278.931 |
| Cộng | <u>243.199.358</u> | <u>389.278.931</u> |

5. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-----------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 154.636.364 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>154.636.364</u> |

6. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| Tăng chi phí và tăng nợ phải trả do điều chỉnh sai sót kế toán từ các năm trước | - | 2.461.597.689 |
| Các khoản nộp ngân sách nhà nước | 143.156.761 | 305.021.523 |
| Chi phí công trình tồn đọng | 781.984.352 | - |
| Các khoản khác | - | 4.470.202 |
| Cộng | <u>925.141.113</u> | <u>2.771.089.414</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 18.150.823.709 | 15.344.344.760 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.015.263.057 | 1.151.333.267 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.058.419.409 | 225.413.787 |
| Chi phí dự phòng | 954.988.849 | 332.156.700 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.119.727.096 | 7.907.758.823 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 1.152.395.235 | 1.127.247.273 |
| Cộng | <u>32.451.617.355</u> | <u>26.088.254.610</u> |

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*) | 2.036.400.645 | 1.731.436.218 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | 280.107.492 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>2.036.400.645</u> | <u>2.011.543.710</u> |

(*) Chi tiết xác định thuế TNDN hiện hành:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 8.689.412.110 | 8.347.689.367 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 1.492.591.113 | 309.491.725 |
| + Chi phí không được trừ | 1.492.591.113 | 309.491.725 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 10.182.003.223 | 8.657.181.092 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN | 2.036.400.645 | 1.731.436.218 |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | <u>2.036.400.645</u> | <u>1.731.436.218</u> |

9. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông | 6.653.011.465 | 6.336.145.657 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | - | - |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 2.091.240.000 | 2.245.090.657 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 6.653.011.465 | 6.336.145.657 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.074.100 | 3.074.100 |
| Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.484</u> | <u>1.331</u> |

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 280/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 được điều chỉnh khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay tạm tính theo lợi nhuận kế hoạch năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 3.074.100 | 3.074.100 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.074.100 | 3.074.100 |

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 93.800.727.314 | 97.782.612.002 |
| Chi phí nhân công | 87.748.293.648 | 102.036.638.808 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.015.263.057 | 1.231.333.607 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 49.159.449.154 | 15.365.969.192 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.004.220.019 | 5.417.379.652 |
| Chi phí dự phòng | 954.988.849 | 332.156.700 |
| Cộng | 235.682.942.041 | 222.166.089.961 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng), và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo:

| Đối tượng | Chức vụ | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|---|----------------|------------------|
| Ban Lãnh đạo | | | |
| Ông Ưông Nhật Phương | Chủ tịch HĐQT | 497.719.315 | 457.111.642 |
| Ông Phạm Văn Dũng | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 491.558.462 | 452.707.781 |
| Ông Đậu Trường Thành | Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm kể từ ngày 19/4/2023) | 232.542.823 | - |
| Ông Lê Đức Dũng | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm kể từ ngày 19/4/2023) | 120.291.159 | 380.759.790 |
| Ông Dương Ngọc Thắng | Phó Giám đốc | 378.450.608 | 351.648.551 |
| Ông Đàm Ngọc Mẫn | Phó Giám đốc | 377.950.608 | 350.024.896 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Đối tượng | Chức vụ | Đơn vị tính: VNĐ | |
|-----------------|--|------------------|-------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Ông Đỗ Đức Toan | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm kể từ ngày 01/07/2022) | - | 180.653.500 |
| Ngô Thị Loan | Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm kể từ ngày 01/07/2022) | 321.904.931 | 176.220.106 |

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|------------|------------|
| Hội đồng quản trị | | |
| Ông Ưông Nhật Phương | 18.689.600 | 17.880.000 |
| Ông Đậu Trường Thành | 20.000.000 | - |
| Ông Lê Đức Dũng | 10.000.000 | 30.000.000 |
| Ban Kiểm soát | | |
| Bà Nguyễn Thị Lý Bá | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Dũng | 12.000.000 | 15.725.000 |

B. Giao dịch với bên liên quan khác:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|-------------------------------------|---|
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh | Công ty con Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải | Công ty con Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn | Công ty con Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam |

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Cung cấp dịch vụ, hàng hoá | 225.045.391.904 | 159.300.587.391 |
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | 224.026.580.805 | 156.225.192.940 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn | 703.136.130 | 844.426.221 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải | - | 2.071.787.394 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh | 315.674.969 | 159.180.836 |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 14.629.758.535 | 3.646.340.815 |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn | 3.908.604.544 | 764.475.906 |
| Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng | - | 1.426.046.296 |
| Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải | 4.341.315.104 | - |
| Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh | 6.379.838.887 | 1.455.818.613 |
| Chi trả cổ tức | 2.445.660.000 | 2.562.120.000 |
| Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam | 2.445.660.000 | 2.562.120.000 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2, V.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản).

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 59.987.412.853 | - | - | 59.987.412.853 |
| Vay và nợ | 17.675.774.343 | - | - | 17.675.774.343 |
| Chi phí phải trả | 76.801.248 | - | - | 76.801.248 |
| Các khoản phải trả khác | 6.532.345.363 | - | - | 6.532.345.363 |
| Cộng | 84.272.333.807 | - | - | 84.272.333.807 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 39.766.750.293 | - | - | 39.766.750.293 |
| Vay và nợ | 19.392.936.080 | - | - | 19.392.936.080 |
| Chi phí phải trả | 953.101.396 | - | - | 953.101.396 |
| Các khoản phải trả khác | 4.836.111.261 | - | - | 4.836.111.261 |
| Cộng | 64.948.899.030 | - | - | 64.948.899.030 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Đơn vị tính: VNĐ

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.761.632.004 | 7.726.421.544 | 7.761.632.004 | 7.726.421.544 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 110.718.080.643 | 91.713.472.831 | (*) | (*) |
| Cộng | 118.479.712.647 | 99.439.894.375 | 7.761.632.004 | 7.726.421.544 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 59.987.412.853 | 39.766.750.293 | (*) | (*) |
| Vay và nợ | 17.675.774.343 | 19.392.936.080 | (*) | (*) |
| Chi phí phải trả | 76.801.248 | 953.101.396 | (*) | (*) |
| Các khoản phải trả khác | 6.532.345.363 | 4.836.111.261 | (*) | (*) |
| Cộng | 84.272.333.807 | 64.948.899.030 | | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc.

Theo đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại như sau: (xem thuyết minh VI.9)

| | Mã số | Số liệu theo Báo cáo tài chính năm trước | Số liệu điều chỉnh lại |
|-----------------------------------|-------|--|------------------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 70,71 | 1.417 | 1.331 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Ngô Thị Loan

Ngô Thị Loan

Phạm Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

| STT | Danh mục vật tư thu hồi | Đơn vị tính | Số lượng tại ngày 31/12/2023 |
|----------|---|-------------|------------------------------|
| a | Cáp chập, đứt, cháy các loại(cáp thông tin, tín hiệu treo) | | 50.707 |
| 1 | Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,5 mm | m | 7.917 |
| 2 | Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,9 mm | m | 2.042 |
| 3 | Cáp đồng thông tin treo 2*4*0,9 mm | m | 5.432 |
| 4 | Cáp đồng thông tin treo 20*2*0,5 mm | m | 2.573 |
| 5 | Cáp đồng thông tin treo 3*4*0,9 mm | m | 4.729 |
| 6 | Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,5 mm | m | 10.259 |
| 7 | Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,9 mm | m | 1.586 |
| 8 | Cáp tín hiệu treo 5*1 mm | m | 11.885 |
| 9 | Cáp đồng treo 5x2x1 mm | m | 1.992 |
| 10 | Cáp đồng treo 10x2x1 mm | m | 2.292 |
| b | Phụ kiện tín hiệu gồm:(tay quay ghi, cần liên kết, thanh gá lắp, tủ điều khiển đường ngang....) | | 10.328 |
| 1 | Bàn gang khùy ghi, khùy vuông góc | bộ | 24 |
| 2 | Bảng đèn led đỏ | cái | 683 |
| 3 | Bảng đèn led vàng | cái | 277 |
| 4 | Biến áp BD-1 | cái | 37 |
| 5 | Bộ chuyển đổi 12V BD1-7 | cái | 19 |
| 6 | Biến áp CT5 | cái | 24 |
| 7 | Biến áp BX1-34 | cái | 18 |
| 8 | Biến áp DDX | cái | 11 |
| 9 | Biến áp DZD-BT | cái | 76 |
| 10 | Biến báo hiệu 242a | cái | 272 |
| 11 | Biến báo hiệu 242b | cái | 2 |
| 12 | Biến báo hiệu "Đèn đỏ dừng lại" | cái | 210 |
| 13 | Biến báo hiệu "Dừng lại quan sát tàu hỏa" | cái | 277 |
| 14 | Biển ghi | cái | 158 |
| 15 | Biển thế BG các loại 13,2/2,2; 24/2,4 | cái | 34 |
| 16 | Block máy lạnh | cái | 45 |
| 17 | Bộ báo sợi đốt PB3 | bộ | 7 |
| 18 | Bộ biểu trí ghi | bộ | 28 |
| 19 | Thanh biểu thị ghi | thanh | 4 |
| 20 | Thanh động tác ghi | thanh | 6 |
| 21 | Bộ cắt lọc sét đường nguồn TSG 1130 | bộ | 57 |
| 22 | Bộ chống sét lan truyền V20-C | bộ | 1 |
| 23 | Bộ chuyển đổi converter quang điện | bộ | 7 |
| 24 | Bộ chống sét TDS 150 | bộ | 8 |
| 25 | Bộ chống sét TDS 1100 | bộ | 12 |
| 26 | Bộ chuyển đổi nguồn điện 24v-5/12v | ô | 146 |
| 27 | Bộ Converter E1 - LAN | bộ | 8 |
| 28 | Bộ đề MPĐ | Bộ | 2 |
| 29 | Bộ điều chỉnh nhiệt độ tủ CBTĐ | bộ | 56 |
| 30 | Bộ giám sát ĐN CBTĐ | cái | 35 |
| 31 | Bộ giao tiếp CCTĐ | cái | 28 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| STT | Danh mục vật tư thu hồi | Đơn vị tính | Số lượng tại ngày 31/12/2023 |
|-----|---|-------------|------------------------------------|
| 32 | Bộ giao tiếp internet GSTX | cái | 7 |
| 33 | Bộ giao tiếp ra CBTD | cái | 15 |
| 34 | Bộ giao tiếp ra có gác | cái | 10 |
| 35 | Bộ giao tiếp vào cảm biến từ GS-20 | cái | 85 |
| 36 | Bộ giao tiếp vào CBTD | cái | 4 |
| 37 | Bộ giao tiếp vào có gác | cái | 8 |
| 38 | Bộ khóa chặt | bộ | 27 |
| 39 | Bộ máy tính | cái | 15 |
| 40 | Bộ nạp nguồn 220VAC/48VDC (TĐ Hipath) | bộ | 1 |
| 41 | Bộ nạp nhanh 220v/18-24v | bộ | 1 |
| 42 | Bộ nguồn DZY 48/30;48/50 | bộ | 36 |
| 43 | Mainboard máy tính | cái | 2 |
| 44 | Bộ Swich 4 công (8 công) | cái | 3 |
| 45 | Bộ nguồn máy tính | cái | 4 |
| 46 | Bộ nguồn ROBOT 24v/15A.30A | bộ | 92 |
| 47 | Bộ rung 24 VDC/110VAC | bộ | 6 |
| 48 | Swich 3 com 16 port | cái | 1 |
| 49 | Bộ tay quay ghi điện | bộ | 46 |
| 51 | Bản khóa hình quạt | cái | 11 |
| 52 | Bộ thu chuông | bộ | 69 |
| 53 | Bộ tiếp điểm tự động | bộ | 18 |
| 54 | Bộ tiếp điểm an toàn (công tác trẻ ghi) | bộ | 10 |
| 56 | Bộ UPS 6KVA | bộ | 15 |
| 57 | Bộ UPS 2,2KVA | bộ | 2 |
| 58 | Board điều khiển máy nổ | bộ | 14 |
| 59 | Bo điều khiển máy lạnh | cái | 1 |
| 60 | Cảm biến đếm trực (đầu phát, thu) | bộ | 34 |
| 61 | Cảm biến quang | bộ | 9 |
| 62 | Cảm biến từ SR20 | bộ | 505 |
| 63 | Camera Hikvision | cái | 34 |
| 64 | Camera IP Vstarcam C7816WIP | cái | 11 |
| 65 | Cần đẩy biểu trí 1600 mm | cái | 22 |
| 66 | Cần đẩy biểu trí 2250 mm | cái | 8 |
| 67 | Cần điều chỉnh độ khít lưỡi ghi 2200mm | cái | 14 |
| 68 | Cần điều chỉnh độ khít lưỡi ghi 2500mm | cái | 26 |
| 69 | Cần đuôi chuột HKĐ | cái | 18 |
| 70 | Cần ngàm đứng 1650 mm | cái | 6 |
| 71 | Card A21E1 | card | 31 |
| 72 | Card ACU | card | 47 |
| 73 | Card âm thanh | cái | 107 |
| 74 | Card CBCPR (TĐ Hipath) | card | 16 |
| 75 | Card COMU | card | 13 |
| 76 | Card Congi | card | 14 |
| 77 | Card Sergi | card | 5 |
| 78 | Card Converter E1 - LAN | card | 1 |
| 79 | Card D12S | card | 6 |
| 80 | Card D75S | card | 1 |
| 81 | Card điều khiển cần chắn OPEN 4000 | card | 4 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| STT | Danh mục vật tư thu hồi | Đơn vị tính | Số lượng tại ngày 31/12/2023 |
|-----|-------------------------------------|-------------|------------------------------------|
| 82 | Card FXS (Muxline) | card | 12 |
| 83 | Card INU | card | 4 |
| 84 | Card IOU | card | 12 |
| 85 | Card L16-2ND | card | 6 |
| 86 | Card Matrixn | card | 6 |
| 87 | Card MIL (TĐ MDS 3400) | card | 8 |
| 88 | Card NISL4 | card | 8 |
| 89 | Card nguồn INVENSYS WR 1500 HICOM | card | 1 |
| 90 | Card nguồn PSUM (TĐ Hipath) | card | 16 |
| 91 | Card OUTU | card | 27 |
| 92 | Card P63E1 | card | 3 |
| 93 | Card PAN | card | 8 |
| 94 | Card PDB | card | 17 |
| 95 | Card POWER | card | 8 |
| 96 | Card PSU | card | 40 |
| 97 | Card RGPA | card | 7 |
| 98 | Card RNG (TĐ MDS 3400) | card | 7 |
| 99 | Card SAP | card | 6 |
| 100 | Card Sergi | card | 7 |
| 101 | Card SUPU | card | 3 |
| 102 | Card Synth1N | card | 20 |
| 103 | Card thuê bao ASL- 8 (TĐ MDS 3400) | card | 13 |
| 104 | Card thuê bao DSL (TĐ MDS 3400) | card | 3 |
| 105 | Card thuê bao SLMA16 (TĐ Hipath) | card | 20 |
| 106 | Card thuê bao SLMA24 (TĐ Hipath) | card | 2 |
| 107 | Card H6-HWCB | card | 2 |
| 108 | Card H6-PWXO | card | 2 |
| 109 | Card Trung kế E&M (TĐ Hicom) | card | 1 |
| 110 | Card SCBH | card | 2 |
| 111 | Bộ nguồn MPS JWJ-C | Bộ | 1 |
| 112 | Điện trở điều chỉnh R6/65 | Cái | 1 |
| 113 | Bộ cắt lọc sét 1 pha SRF 163N | Bộ | 1 |
| 114 | Giá rơ le chống rung | Cái | 1 |
| 115 | Đuôi đèn tín hiệu | Cái | 14 |
| 116 | Ổng cách điện | cái | 96 |
| 117 | Thanh răng (ghi ĐC) | thanh | 1 |
| 118 | Thấu kính trắng D=163 | Cái | 10 |
| 119 | Thấu kính trắng D=212 | Cái | 10 |
| 120 | Card thuê bao SLMO8 (TĐ Hipath) | card | 14 |
| 121 | Card TIEL(Hipath) | card | 13 |
| 122 | Card TMS2 (Hipath) | card | 17 |
| 123 | Card TRU A | card | 19 |
| 124 | Card TRU B | card | 16 |
| 125 | Chuông 24VDC D=4inch | cái | 19 |
| 126 | Chuông điện | cái | 2 |
| 127 | Cơ cấu TH ngăn đường | cái | 18 |
| 128 | Cơ cấu đèn tín hiệu 2 biểu thị cao | cái | 34 |
| 129 | Cơ cấu đèn tín hiệu 2 biểu thị thấp | cái | 24 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| STT | Danh mục vật tư thu hồi | Đơn vị tính | Số lượng tại ngày 31/12/2023 |
|-----|--------------------------------------|-------------|------------------------------------|
| 130 | Cơ cấu đèn tín hiệu 3 biểu thị cao | cái | 15 |
| 131 | Cơ cấu đèn tín hiệu 3 biểu thị thấp | cái | 15 |
| 132 | Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 2 BT | cái | 65 |
| 133 | Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 3 BT | cái | 31 |
| 134 | Con trượt ghi | cái | 4 |
| 135 | Công tắc đạp chân | Cái | 48 |
| 136 | Thân cột TH ĐN 3,2m | cái | 30 |
| 137 | Cột tín hiệu đường ngang 3,6m | cái | 3 |
| 138 | Đầu ghi hình chuẩn nén 6104-AHD | cái | 29 |
| 139 | Đế cắm rơ le | cái | 50 |
| 140 | Đế gang cột tín hiệu | cái | 13 |
| 141 | Đèn cản chắn 2 mặt đỏ trắng f 100 mm | cái | 364 |
| 142 | Đèn ghi thấp điện | cái | 49 |
| 143 | Đơn nguyên đài không chế 52,53,59,60 | bộ | 35 |
| 144 | Động cơ cản chắn | cái | 8 |
| 145 | Khởi động từ 220V | cái | 2 |
| 146 | Đồng hồ | cái | 18 |
| 147 | Hòm biến thế HB1 (XB1) | hòm | 2 |
| 148 | Hòm biến thế HB2 | hòm | 5 |
| 149 | Hộp cáp 20 đôi | Hộp | 30 |
| 150 | Hộp cáp 50 đôi | Hộp | 4 |
| 151 | Hộp cáp HZ-12 | hộp | 18 |
| 152 | Hộp cáp HZ-24 | hộp | 13 |
| 153 | Hộp khóa điện | hộp | 36 |
| 154 | Lá ép li hợp (Bộ giảm tốc) | bộ | 14 |
| 155 | Loa ĐN | cái | 89 |
| 156 | Mạch giao tiếp, giám sát cản chắn | cái | 17 |
| 157 | Màn hình 65inch | cái | 2 |
| 158 | Máy lạnh 1,5 HP | bộ | 12 |
| 159 | Máy lạnh 2HP | bộ | 2 |
| 160 | Máy lạnh 2,5 HP | bộ | 2 |
| 161 | Mô tơ điện | cái | 18 |
| 162 | Mô tơ quạt dàn lạnh | cái | 8 |
| 163 | Quạt dàn nóng máy lạnh | cái | 1 |
| 164 | Quạt làm mát ASIA | cái | 1 |
| 165 | Quạt thông gió | cái | 3 |
| 166 | Tăng đơ dây co | cái | 89 |
| 167 | Sắt chống xà 600x40x4mm | cái | 394 |
| 168 | Sắt chống xà 900x40x4mm | cái | 374 |
| 169 | Block máy lạnh | cái | 6 |
| 170 | Bộ chuyển đổi converter quang điện | cái | 3 |
| 171 | Còi hú | cái | 20 |
| 172 | Công tắc chuyển mạch (CTHT) | cái | 5 |
| 173 | Pin máy hàn quang Fuzikura | cái | 1 |
| 174 | Ống dẫn Gas máy lạnh | m | 12 |
| 175 | Ống ghen các loại | m | 54 |
| 176 | Phích cắm | cái | 39 |
| 177 | Pin 3A | viên | 48 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| STT | Danh mục vật tư thu hồi | Đơn vị tính | Số lượng tại ngày 31/12/2023 |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------------------------|
| 178 | Pin 9A | viên | 29 |
| 179 | Hộp chuông sensor | hộp | 4 |
| 180 | Màn hình máy tính | cái | 5 |
| 181 | Máy lạnh 1,5, 2,5HP | bộ | 9 |
| 182 | Nút ấn khôi phục | cái | 24 |
| 183 | Ống nhựa F21 | m | 30 |
| 184 | Ống nhựa F27 | m | 12 |
| 185 | Ống nhựa F27-34 | m | 30 |
| 186 | Quạt làm mát ASIA | cái | 10 |
| 187 | Quạt thông gió | cái | 16 |
| 188 | Quạt thông gió công nghiệp | cái | 1 |
| 189 | Modul nguồn SZJ220/13 | modul | 16 |
| 190 | Modul nguồn SZZ 24/50 | modul | 11 |
| 191 | Modul TAINET-336CX | bộ | 8 |
| 192 | Nắp bể accu 0,9*1,2 m | cái | 19 |
| 193 | Nắp bảo vệ cần áp lực | cái | 15 |
| 194 | Ổ cứng đầu ghi | cái | 20 |
| 195 | Nút ấn 2 vị trí | cái | 22 |
| 196 | Nắp đậy bộ khóa chặt | cái | 8 |
| 197 | Ổn áp 24VDC-3A | cái | 25 |
| 198 | Ổn áp 2KVAROBOT(90V-240V) | cái | 17 |
| 199 | PLC S7-200 CPU 224 | bộ | 132 |
| 200 | Quạt 12 VDC -0,13A 3 dây | cái | 148 |
| 201 | Quạt 24VDC | cái | 189 |
| 202 | Quạt thông gió | cái | 14 |
| 203 | Rơ le JJC-400 | cái | 12 |
| 204 | Rơ le JPXC1-1000 | cái | 35 |
| 206 | Rơ le JWJXC-480 | cái | 22 |
| 207 | Rơ le JZXC2-480 | cái | 5 |
| 208 | Rơ le JWJXC-H125/0,44 | cái | 7 |
| 209 | Rơ le JZCJ | cái | 10 |
| 210 | Rơ le JWXC1-1000 | cái | 21 |
| 211 | Rơ le JWXC1-1700 | cái | 120 |
| 212 | Rơ le JWXC1-H340 | cái | 90 |
| 213 | Rơ le JZXC1-H340 | cái | 10 |
| 214 | Rơ le JZXC3-0.56 | cái | 25 |
| 215 | Rơ le JYLXC-135/220 | cái | 5 |
| 216 | Rơ le JZXC3-H18, H18F | cái | 51 |
| 217 | Rơ le tắt nguồn máy nổ | bộ | 4 |
| 218 | Role OMRON H3Y- 24VDC | cái | 26 |
| 219 | Role OMRON MK3-P22 ,AC220V | cái | 31 |
| 220 | Role OMRON MY2N 220VAC | cái | 75 |
| 221 | Rơ le chuyển mạch | cái | 10 |
| 222 | Swich 4 cổng | bộ | 4 |
| 223 | Tán che đèn tín hiệu | cái | 17 |
| 224 | Thanh cản chấn tự động 4m tròn, vuông | thanh | 104 |
| 225 | Thanh khóa các loại A,B | Cái | 27 |
| 226 | Bộ tay quay ghi cơ khí | bộ | 23 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

| STT | Danh mục vật tư thu hồi | Đơn vị tính | Số lượng tại ngày 31/12/2023 |
|----------|---|-------------|------------------------------------|
| 227 | Vỏ tủ ĐN CBTĐ | cái | 22 |
| 228 | Mô tơ quạt dàn lạnh | cái | 4 |
| 229 | Ổ khóa chuyên dùng mạ kẽm | cái | 196 |
| 230 | Ống sắt mạ kẽm F60 luôn cấp | m | 86 |
| 231 | Vỏ tủ rơ le ra ga | cái | 5 |
| 232 | Vỏ tủ rơ le vào ga | cái | 5 |
| 233 | Bánh xe, con lăn | Cái | 60 |
| 234 | Xà gỗ 2500*80*70 mm | cái | 6 |
| 235 | Bộ nguồn thông tin | cái | 22 |
| 236 | Thính, thoại cơ | cái | 26 |
| 237 | Ổn áp 24 VDC | cái | 5 |
| 238 | Ổ cứng máy tính | cái | 1 |
| 239 | Dây bọc 2x0,75 (dây súp đã chiến) | m | 1.200 |
| 240 | Dây câu ray các loại | sợi | 5 |
| 241 | Tụ đề máy lạnh | Cái | 3 |
| 242 | Cuồng sứ đảo + êcu | Cái | 70 |
| 243 | Cuồng sứ thẳng + êcu | Cái | 285 |
| 244 | Chốt trẻ gãy | Cái | 40 |
| 245 | Bộ ODF 4 port | cái | 1 |
| 246 | Bàn phím máy tính | cái | 4 |
| 247 | Bàn đảo H | Cái | 40 |
| 248 | Bộ đầu nối mũi ghi | bộ | 3 |
| 249 | Ổn áp 12,5 KVA | bộ | 1 |
| c | Phụ kiện đường dây thông tin gồm:(dây lưỡng kim, sắt chống xà, cuồng sứ ...) | | 3.893 |
| 1 | Dây lưỡng kim F3mm | kg | 3.210 |
| 2 | Hộp cáp TT các loại | cái | 23 |
| 3 | Máy điện thoại NC HC-19 | cái | 83 |
| 4 | Máy điện thoại Optiset | cái | 61 |
| 5 | Máy ĐT ấn phím | cái | 268 |
| 6 | Máy fax Brother 2840 | máy | 3 |
| 7 | Sắt góc 100*100*10 mm 3,2m | thanh | 20 |
| 8 | Sắt góc 50x50x5 mm 2,5m | thanh | 34 |
| 9 | Sắt L100x100x10 | m | 68 |
| 10 | Sắt V 50x50x5 | m | 77 |
| 11 | Sắt V 75x75x6 | m | 19 |
| 12 | Bát L | cái | 4 |
| 13 | Thang cột TH | Cái | 23 |
| d | Accu các loại | | 1.601 |
| 1 | Accu acid kín khí 12V-200AH | binh | 8 |
| 2 | Accu acid kín khí 12V-100AH | binh | 1.038 |
| 3 | Ac quy a xít kín khí 12v 70AH | binh | 385 |
| 4 | Accu acid kín khí 12V-35AH | binh | 88 |
| 5 | Accu acid 12v 7-9AH | binh | 82 |